

Thứ năm, ngày 26 tháng 10 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm mạnh hơn 46 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/10/2023	•		
Tuần 16/10-20/10/2023		•	
Tháng 10/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giảm mạnh từ khi mở cửa, chỉ số rơi thẳng xuống về 1,082 điểm. Áp lực bán tháo khiến VN-Index kết phiên tại 1,055.45 điểm, giảm 46.21 điểm so với phiên trước. Động rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, trong đó mức giảm mạnh nhất là ngành Dầu khí, theo sau là ngành Bất động sản và Hóa chất. Truyền thông là ngành duy nhất ghi nhận tăng điểm trong hôm nay. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên HSX và mua ròng trên HNX. Khối lượng giao dịch tăng mạnh và chỉ số giảm mạnh từ đầu phiên cho thấy tâm lý nhà đầu tư rất bi quan. Trong những phiên tới, VN-Index có thể lùi về ngưỡng kháng cự 1,020.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/10/2023, các chứng quyền biến động theo đà suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-46.21** điểm, đóng cửa **1055.45** điểm. HNX-Index **-12.03** điểm, đóng cửa **214.98** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TBC (+0.03)**, **YEG (+0.02)**, **TIX (+0.01)**, **VFG (+0.01)**, **COM (+0.01)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-3.24)**, **VIC (-2.84)**, **GAS (-2.73)**, **VCB (-1.85)**, **HPG (-1.78)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,198** tỷ đồng, tăng **129.46%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,244 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 33.35 điểm. Thị trường có **190** mã tăng, 94 mã tham chiếu, **274** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-100.12** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-236.74 tỷ)**, **SSI (-121.72 tỷ)**, **VIC (-115.51 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 51.51 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-4.69%**.
- BSC50 **-5.78%**.

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Truyền thông	5.97%	Điện, nước & xăng	-4.95%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.15%	Tài nguyên Cơ bản	-5.08%
Ngân hàng	-2.70%	Xây dựng và Vật liệu	-5.33%
Ô tô và phụ tùng	-2.90%	Dịch vụ tài chính	-5.94%
Du lịch và Giải trí	-3.38%	Hóa chất	-6.02%
Bán lẻ	-3.71%	Bất động sản	-6.07%
Bảo hiểm	-3.94%	Dầu khí	-6.91%
Y tế	-3.94%	VN30	-4.34%
Thực phẩm và đồ uống	-4.07%	VNSML	-4.61%
Công nghệ Thông tin	-4.54%	VNMID	-4.80%
Hàng & Dịch vụ Công	-4.89%		

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1055.45**
Giá trị: 22197.61 tỷ **-46.21 (-4.19%)**
Khối ngoại (ròng): -100.12 tỷ

HNX-INDEX **214.98**
Giá trị: 3133.58 tỷ **-12.03 (-5.3%)**
Khối ngoại (ròng): 51.51 tỷ

UPCOM-INDEX **82.79**
Giá trị: 821.35 tỷ **-2.78 (-3.25%)**
Khối ngoại (ròng): 5.44 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	89.8	2.00%
Giá vàng	1,980	0.50%
Tỷ giá USD/VND	24,610	0.14%
Tỷ giá EUR/VND	25,956	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	163.00	0.02%
LS liên NH 1 tháng	1.55%	
LS TPCP 5 năm	1.99%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	132.69	VHM	-236.74
STB	104.38	SSI	-121.72
VNM	94.30	VIC	-115.51
MWG	64.90	FUEVFNVD	-107.45
GMD	56.69	MSN	-58.74

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 26/10/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	85.09	1.60%	-2.50%	-4.20%	-1.80%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	89.80	2.00%	-1.90%	-2.90%	-2.50%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.27	0.30%	-3.40%	-9.60%	-9.20%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	3.02	1.80%	-1.10%	6.30%	-52.70%		
TTF Gas	EUR/MWh	49.92	1.30%	-1.80%	23.80%	-52.10%		
Vàng	Ounce	1,979.53	0.50%	1.60%	4.20%	18.90%		PNJ
Bạc	Ounce	22.86	-0.30%	-0.10%	0.00%	16.50%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,288.25	-0.50%	-1.70%	-1.10%	-7.50%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.89	0.10%	0.40%	-8.10%	-22.50%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	148.00	1.20%	-0.50%	7.90%	21.00%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	27.63	0.40%	0.60%	6.20%	54.70%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	414.00	0.00%	-0.60%	-3.20%	-43.30%		DPM, DCM
Niken	LB	18,042.00	0.00%	-2.00%	-3.10%	-20.00%		PC1
Đồng	LB	3.57	-1.00%	-0.20%	-1.30%	0.80%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,550.00	-1.50%	-12.40%	-17.50%	-4.10%		CSV
Thép	CNY/ton	3,651.00	1.50%	0.30%	-0.50%	0.00%		HPG
Nhôm	Ton	2,217.00	1.20%	1.60%	-1.20%	-5.10%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent lúc đóng cửa phiên giao dịch tăng 2.00%, đạt 89.80 USD/hùng. Hợp đồng dầu thô Tây Texas của Mỹ (WTI) tăng 1.60%, đóng cửa ở mức 85.09 USD/thùng.
- Giá dầu tăng khoảng 2% vào thứ Tư, do lo ngại về xung đột ở Trung Đông, nhưng mức tăng bị hạn chế do tồn kho dầu thô của Mỹ tăng và triển vọng kinh tế châu Âu ảm đạm.

Giá vàng

- Vàng giao ngay đã tăng 0.7% lên1,983.39 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 tăng 0.5% ở mức 1,979.53 USD.
- Giá vàng tăng vào thứ Tư, được thúc đẩy bởi xung đột tiếp tục ở Trung Đông, trong khi các nhà đầu tư mong chờ dữ liệu kinh tế quan trọng của Mỹ để có thêm tín hiệu về chính sách lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc đã kết thúc phiên tăng 3.3% lên 872 nhân dân tệ (119.22 USD)/tấn, sau khi chạm mức 878.50 nhân dân tệ trước đó.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tại Đại Liên đạt mức cao nhất trong 5 tuần vào thứ Tư và giá quặng sắt kỳ hạn tham chiếu trên sàn Singapore tăng ngày thứ ba liên tiếp, nhờ các biện pháp bổ sung của Trung Quốc nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Giá hàng hóa khác

- Hợp đồng cao su giao tháng 3 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) tăng 7 yên, tương đương 2.7%, lên 265.4 yên (1.77 USD)/kg lúc đóng cửa. Giá cao su kỳ hạn tại Nhật Bản tăng vào thứ Tư nhờ triển vọng các biện pháp kích thích ở cả Nhật Bản và Trung Quốc.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 5.85 cent, tương đương 3.5%, xuống 1.623 USD/lb sau khi thiết lập mức cao nhất trong 5 tuần là 1.6905 USD.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	84.5	-1.5%	0.9	19,237	4.9	5,797	14.6	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	40.6	-0.5%	0.7	8,355	3.3	4,025	10.1	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.2	-3.8%	0.9	6,528	14.3	1,727	11.7	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	29.8	-4.5%	1.5	4,269	8.1	5,059	5.9	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	17.2	-3.4%	1.3	3,653	8.7	3,496	4.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.1	-4.9%	0.9	2,158	46.7	3,600	7.8	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	19.1	-6.8%	1.8	3,112	3.3	714	26.8	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	28.6	-6.9%	1.7	893	14.7	4,368	6.5	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	47.0	-6.0%	1.6	632	17.2	3,969	11.8	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	47.2	-6.7%	1.9	862	4.3	2,651	17.8	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	22.8	-5.2%	2.0	5,400	28.8	(328)	-69.5	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	41.8	-6.9%	1.4	7,414	10.4	10,341	4.0	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	24.6	-7.0%	1.1	2,277	9.3	1,588	15.5	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	29.8	-1.5%	1.8	970	1.6	1,280	23.3	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	32.8	-4.4%	1.4	513	4.5	1,582	20.7	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	85.0	-4.8%	1.6	1,315	23.2	10,728	7.9	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	31.6	-6.2%	0.8	504	7.0	6,403	4.9	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	27.9	-6.8%	1.1	602	9.7	4,286	6.5	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	75.5	-6.1%	0.5	7,063	3.3	5,567	13.6	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	32.9	-6.9%	0.9	1,703	2.4	2,125	15.5	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	35.6	-5.8%	1.1	693	18.9	1,953	18.2	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.2	-6.9%	1.3	570	14.1	449	56.0	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	10.8	-3.6%	0.7	1,030	3.9	602	17.9	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	67.0	-2.9%	0.5	5,704	14.2	3,935	17.0	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	61.4	-7.0%	1.1	3,579	9.0	916	67.0	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	42.0	-3.4%	1.7	2,502	25.7	1,069	39.3	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	74.0	-0.4%	0.7	989	2.7	5,503	13.4	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	71.0	-2.7%	0.6	530	3.2	7,080	10.0	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	59.0	-4.4%	0.6	735	6.4	7,470	7.9	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	86.8	-4.5%	0.6	4,490	20.9	4,573	19.0	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.4	-2.20%	0.9	5,550	6.9	3,664	7.7	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	21.1	-3.7%	0.9	3,338	10.8	3,722	5.7	1.3	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.0	-2.9%	0.8	2,003	4.1	2,765	6.1	1.3	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	14.3	-3.7%	1.0	1,490	3.9	1,410	10.1	1.5	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	17.4	-5.2%	1.4	1,793	4.3	3,534	4.9	1.3	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	18.3	-6.9%	2.0	908	36.3	467	39.2	1.5	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	16.0	-4.5%	1.1	1,435	4.5	2,697	5.9	1.1	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	28.7	-6.8%	1.5	1,753	63.3	1,090	26.3	2.0	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	14.7	-7.0%	2.0	170	7.8	318	46.2	5.9	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	10.6	-7.8%	1.8	0	1.5	445	23.8	1.0	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	51.3	-6.7%	1.9	207	4.4	681	75.3	0.6	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	14.0	-7.0%	1.6	187	6.5	919	15.2	0.5	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	10.6	-6.6%	2.2	82	3.2	482	22.1	0.8	3.1%	3.8%
BCM	KCN	59.6	-4.8%	0.7	2,513	0.5	418	142.6	3.5	2.7%	1.7%
HUT	KCN	19.0	-10.0%	1.4	691	8.5	56	336.3	4.6	2.0%	1.3%
PHR	KCN	45.2	-6.5%	1.2	250	1.4	6,568	6.9	1.7	15.4%	26.9%
SZC	KCN	36.0	-5.3%	1.7	176	3.6	1,405	25.6	2.7	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	16.6	-6.7%	2.2	416	9.4	(2,105)	-7.9	1.0	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	11.4	-6.9%	1.4	177	0.3	176	64.8	0.9	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	17.3	-7.0%	2.5	186	7.5	(2,655)	-6.5	0.9	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	56.0	-2.1%	0.9	153	3.0	5,309	10.5	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	23.9	-6.8%	1.7	74	1.6	1,482	16.1	0.9	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	12.9	-6.9%	2.1	1,025	15.7	(295)	-43.7	0.6	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	16.3	-5.0%	2.9	405	21.4	(317)	-51.4	0.7	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	29.9	-3.5%	1.4	164	6.7	2,190	13.7	2.2	2.0%	16.9%
DIG	BĐS	19.8	-5.7%	2.8	492	29.9	152	130.0	1.6	5.6%	1.1%
IJC	BĐS	12.6	-7.0%	1.9	130	1.6	1,597	7.9	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.1	-6.7%	1.5	0	12.3	1,596	11.3	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	25.6	-6.9%	0.6	338	7.1	2,993	8.6	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	27.9	-9.1%	1.5	92	0.3	1,353	20.6	1.8	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	21.7	-4.8%	1.0	105	0.4	1,980	11.0	1.5	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	56.0	-5.1%	0.7	932	1.8	6,445	8.7	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	19.4	-7.0%	1.7	673	25.0	384	50.5	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	22.4	-4.3%	0.6	263	0.5	2,560	8.8	1.4	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	25.4	-3.6%	1.6	317	1.6	2,739	9.3	1.2	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	25.9	-6.8%	1.6	285	6.4	944	27.4	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	12.6	-6.7%	0.7	175	0.6	636	19.8	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	7.6	-7.0%	2.7	165	3.6	(79)	-96.8	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	66.2	-4.3%	0.3	3,458	1.0	3,518	18.8	3.5	62.3%	18.7%
QNS	F&B	45.9	-4.2%	0.5	0	1.9	4,965	9.2	2.1	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	92.9	-2.2%	1.1	516	3.3	(327)	-283.8	7.9	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	50.3	-6.9%	2.2	342	5.2	2,984	16.9	3.8	23.6%	21.9%
DBC	F&B	20.3	-6.9%	2.0	200	4.4	551	36.9	1.1	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	23.6	-6.9%	2.4	102	0.9	837	28.2	1.3	1.4%	5.7%
BAF	F&B	22.7	-3.6%	0.7	133	3.0	1,225	18.5	1.9	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	31.0	-6.9%	1.7	168	3.5	2,162	14.3	1.6	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	24.4	-5.6%	0.5	132	1.4	1,370	17.8	1.0	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	31.8	-6.9%	1.1	137	6.2	5,742	5.5	1.1	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	73.7	-2.9%	1.3	343	1.2	4,238	17.4	5.1	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	17.4	-7.4%	1.3	80	2.5	2,353	7.4	1.3	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639